

Phụ lục V
Appendix V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Số: 52/2022/BC-PVIN
No: ..52../BC-.PVIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Ninh Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2022
Ninh Binh, month 7 day 29 year 2022

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng/năm)
(6 months/year)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Thôn 4B, xã Đông Sơn, TP Tam Điệp, Ninh Bình.

- Điện thoại/Telephone: 0229 3776 460

- Email: pvin@pv-inconess.com.vn

- Vốn điều lệ/Charter capital: 891.236.000.000 đồng

- Mã chứng khoán/Stock symbol: RGC

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc
/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

| Stt No. | Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No. | Ngày Date | Nội dung Content |
|---------|--|-----------|--|
| 1 | 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ | 30/6/2022 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, trong đó thông qua: - Báo cáo công tác năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị. |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, đầu tư năm 2021 và mục tiêu, phương hướng hoạt động năm 2022 của Ban điều hành - Báo cáo công tác năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát. - Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2022. - Thông qua Đơn từ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 đối với bà Nguyễn Lệ Hằng. - Bầu bổ sung ông Tô Giang Nam làm Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023. - Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 - Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. |
|--|--|--|---|

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Directors:

| Stt No. | Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members | Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors | |
|---------|--|---|---|--------------------------------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm Date of appointment | Ngày miễn nhiệm Date of dismissal |
| 1 | Ông/Mr Nguyễn Anh Tuấn | Chủ tịch HĐQT | 30/3/2018 | |
| 2 | Ông/Mr Nguyễn Đình Vinh | Ủy viên HĐQT | 22/8/2016 | |
| 3 | Ông/Mr Lê Độ | Ủy viên HĐQT | 30/3/2018 | |
| 4 | Ông/Mr Nguyễn Toàn Thắng | Ủy viên HĐQT | 30/3/2018 | |
| 5 | Ông/Mr Đào Phong Trúc Đại | Ủy viên HĐQT | 28/6/2014 | |
| 6 | Ông/Mr Nguyễn Anh Tú | Ủy viên HĐQT | 27/6/2020 | |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt No. | Thành viên HĐQT/ Board of Director' member | Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors | Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate | Lý do không tham dự họp/Reasons for absence |
|---------|--|--|---------------------------------------|---|
| 1 | Ông/Mr Nguyễn Anh Tuấn | 1 | 100% | |
| 2 | Ông/Mr Nguyễn Đình Vinh | 1 | 100% | |
| 3 | Ông/Mr Lê Độ | 1 | 100% | |
| 4 | Ông/Mr Nguyễn Toàn Thắng | 1 | 100% | |
| 5 | Ông/Mr Đào Phong Trúc Đại | 1 | 100% | |
| 6 | Ông/Mr Nguyễn Anh Tú | 1 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

- Giám sát Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc trong công tác điều hành nhằm triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;

- Quyết định và phê duyệt các phương án đầu tư, sản xuất, kinh doanh dài hạn và ngắn hạn của Công ty; Yêu cầu Tổng giám đốc định kỳ báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tuần, hàng tháng bằng văn bản;

- Giám sát, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong phạm vi ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc;

- Tạm đình chỉ, sửa đổi hoặc hủy bỏ các quyết định của Ban Tổng giám đốc khi xét thấy các quyết định đó không tuân thủ pháp luật, các quy chế, quy định của công ty hoặc trái với nội dung được ủy quyền.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày <i>Date</i> | Nội dung <i>Content</i> | Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i> |
|---------|---|---------------------|--|---|
| 1 | 01/2022/NQ-HĐQT | 09/6/2022 | Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 | 100% |

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

| Stt No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Chức vụ <i>Position</i> | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i> |
|---------|---|----------------------------|--|---|
| 1 | Ông/Mr Nguyễn Văn Tý | Trưởng ban BKS | 30/3/2018 | Đại học |
| 2 | Bà /Ms Nguyễn Lệ Hằng | Ủy viên BKS | 27/6/2020 | Thạc sỹ |
| 3 | Ông/Mr Nguyễn Đình Đại | Ủy viên BKS | 25/6/2020 | Đại học |
| 4 | Ông/Mr Bạch Quốc Vinh | Ủy viên BKS | 25/6/2021 | Đại học |
| 5 | Tô Giang Nam | Ủy viên BKS | 30/6/2022 | Thạc sỹ |

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

| Stt No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i> |
|---------|---|---|---|--|---|
| 1 | Ông/Mr Nguyễn Văn Tý | 1 | 100% | 100% | |

| | | | | | |
|---|--------------------------|---|------|------|---------------------------|
| 2 | Ông/Mr Bạch Quốc Vinh | 1 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà /Ms Nguyễn Lệ Hằng | 1 | 100% | 100% | Miễn nhiệm ngày 30/6/2022 |
| 4 | Ông/Mr Tô Giang Nam | 0 | | | Bỏ nhiệm ngày 30/6/2022 |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

Trong đầu năm 2022, BKS đã triển khai thực hiện hoạt động giám sát thông qua việc kiểm tra trực tiếp và tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT: Đại diện BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tại các cuộc họp BKS đã trao đổi, thảo luận, đưa ra các ý kiến khách quan, quan điểm độc lập về các tồn tại, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty và các kiến nghị đối với HĐQT, Ban điều hành. Cụ thể:

- Kiểm tra quá trình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của HĐQT và Ban TGD công ty;
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các Quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Kiểm tra giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, quy chế nội bộ Công ty, Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Xem xét các báo cáo sơ kết quý, 6 tháng đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo tài chính;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm 2021 trước và sau kiểm toán, báo cáo tài chính quý I năm 2022;
- Giám sát việc quyết toán các công trình xây dựng;
- Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát liên quan đến công tác quản trị, điều hành và đầu tư xây dựng.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Trong quá trình thực hiện vai trò giám sát, BKS đã phối hợp với HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác thông qua kiến nghị, trao đổi trực tiếp tại các phiên họp định kỳ / đột xuất hoặc gửi văn bản kiến nghị đối với từng trường hợp cụ thể.

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

IV. Ban điều hành/*Board of Management*

| STT No. | Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i> |
|---------|--|---|---|---|
| 1 | Ông/Mr Đào Phong Trúc Đại | 30/4/1975 | Thạc sỹ | 01/9/2013 |

V. Kế toán trưởng/*Chief Accountant: Trưởng phòng Tài chính kế toán*

| Họ và tên <i>Name</i> | Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i> |
|--------------------------|---|---|--|
| Trịnh Văn Việt | 10/5/1971 | Cử nhân | 27/11/2018 |

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công

ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company: **Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo.**

| ST T No. | Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person | Lý do Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company |
|----------|---|---|---|--|---|--|--|---------------|--|
| | | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: **Không có.**

| ST T No. | Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual | Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction | Ghi chú Note |
|----------|---|---|---|---|---|--|---|--------------|
| | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power. **Không có.**

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch Transaction executor | Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal | Chức vụ tại CTNY Position at the listed Company | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue | Địa chỉ Address | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries or companies which | Thời điểm giao dịch Time of transaction | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction | Ghi chú Note |
|---------|--|---|---|--|-----------------|--|---|---|--------------|
| | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|--|--|---------|--|--|--|---------------------|--|--|--|
| | | persons | | | | the Company control | | | |
| | | | | | | | | | |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*. Không có giao dịch

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO)*.

Trong kỳ Công ty đã có giao dịch sau với bên liên quan:

Công ty cổ phần tập đoàn Thành Công

+ Bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Hàng hóa, dịch vụ: Dịch vụ ăn uống, lưu trú.
- Tổng trị giá hàng hóa và dịch vụ (nhiều lần với giá trị nhỏ /lần): 3.888.889 VND

+ Mua hàng hóa, dịch vụ:

- Hàng hóa, dịch vụ: Dịch vụ cho thuê xe
- Tổng trị giá hàng hóa và dịch vụ (nhiều lần với giá trị nhỏ /lần): 164.545.456 VND

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers*.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*: **Không có**.

| stt No. | Họ tên Name | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|---------|---|---|--|---|--------------------------------|---|---|---------------------|
| 1 | (Tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i>) | | | | | | | |
| | Tên người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name affiliated persons</i> | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|-----|--|--|--|--|--|--|--|
| | ... | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: **Không có.**

| Stt No | Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i> |
|-----------|--|---|---|----------------------------|--|----------------------------|---|
| | | | Số cổ phiếu <i>Number of shares</i> | Tỷ lệ <i>Percentage</i> | Số cổ phiếu <i>Number of shares</i> | Tỷ lệ <i>Percentage</i> | |
| | | | | | | | |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;
- Lưu: văn thư.
- Archived: ...

**ỦY VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Đào Phong Trúc Đại

PHỤ LỤC 1 (Bản CBTT)
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

| TT | Tên tổ chức/ cá nhân | TK giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|--|---|--------------------------|--------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| I- Thành viên Hội đồng quản trị : | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Anh Tuấn | | Chủ tịch HĐQT | | Hà Nội | 30/03/2018 | | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2018 | |
| 2 | Nguyễn Đình Vinh | | Ủy viên HĐQT | | Hà Nội | 22/08/2016 | | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | |
| 3 | Lê Độ | | Ủy viên HĐQT | | Hà Nội | 30/03/2018 | | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2018 | |
| 4 | Nguyễn Toàn Thắng | | Ủy viên HĐQT | | Hà Nội | 30/03/2018 | | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2018 | |
| 5 | Đào Phong Trúc Đại | | UV HĐQT, TGD | | Hà Nội | 28/06/2014 | | Bổ nhiệm lại nhiệm kỳ mới theo NQ ĐHCĐ thường niên 2018 | |
| 6 | Nguyễn Anh Tú | | Ủy viên HĐQT | | Hà Nội | 27/06/2020 | | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2020 | |
| II- Thành viên Ban kiểm soát : | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Tý | | Trưởng BKS | | Hà Nội | 30/03/2018 | | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2018 | |
| 2 | Nguyễn Lệ Hằng | | Ủy viên BKS | | Hà Nội | | 30/06/2022 | Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2022 | |
| 4 | Bạch Quốc Vinh | | Ủy viên BKS | | Hà Nội | 25/06/2021 | | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2021 | |
| 5 | Tô Giang Nam | | Ủy viên BKS | | Hà Nội | 30/06/2022 | | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2022 | |
| III- Thành viên Ban điều hành : | | | | | | | | | |
| 1 | Đào Phong Trúc Đại | | UV HĐQT, TGD | | Hà Nội | 01/09/2013 | | QB bổ nhiệm Tổng giám đốc số 18/2016/NQ-HĐQT ngày 1/6/2018 | |
| 2 | Trịnh Văn Việt | | Trưởng phòng tài chính kế toán | | Ninh Bình | 27/11/2018 | | Bổ nhiệm theo QĐ số 17/2018/NQ-HĐQT ngày 27/11/2018 của HĐQT | |
| IV- Công ty con : | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH XNK và kinh doanh thương mại Khánh Dương | | | | | 24/10/2006 | | | |
| V- Công ty liên kết : | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Đồng Thái | | | | | | 17/07/2007 | | |

PHỤ LỤC 1 (Bản CBTT)
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| TT | Họ và tên | TK giao dịch CK (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---|---|--------------------------|------------------------------|------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| <i>I- Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên Hội đồng quản trị :</i> | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Anh Tuấn | | Chủ tịch HĐQT | | Hà Nội | 0 | 0.00% | |
| 2 | Nguyễn Quốc Bảo | | Bố đẻ | | | 0 | 0.00% | |
| 3 | Nguyễn Thị Thùy | | Mẹ đẻ | | | 0 | 0.00% | |
| 4 | Lê Quang Đường | | Bố vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 5 | Bùi Thị Thanh | | Mẹ vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 6 | Lê Hồng Anh | | Vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 7 | Nguyễn Thị Hồng Ngọc | | Con | | | 0 | 0.00% | |
| 8 | Nguyễn Anh Tú | | Con | | | 0 | 0.00% | |
| 9 | Nguyễn Quốc Hoàn | | Anh trai | | | 0 | 0.00% | |
| 10 | Vũ Phương Đông | | Chị dâu | | | 0 | 0.00% | |
| 11 | Nguyễn Toàn Thắng | | Em trai | | | 0 | 0.00% | |
| 12 | Nguyễn Hồng Hạnh | | Em dâu | | | 0 | 0.00% | |
| 13 | Nguyễn Thành Công | | Em trai | | | 0 | 0.00% | |
| 14 | Nguyễn Thuỳ Vân | | Em dâu | | | 0 | 0.00% | |
| 15 | Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |
| 16 | Nguyễn Đình Vinh | | Thành viên HĐQT | | Hà Nội | 0 | 0.00% | |
| 17 | Nguyễn Đình Thảo | | Bố đẻ | | | 0 | 0.00% | |
| 18 | Võ Thị Hạnh Thục | | Mẹ đẻ | | | 0 | 0.00% | |
| 19 | Mai Trọng Thắng | | Bố vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 20 | Nguyễn Thị Kim Dung | | Mẹ vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 21 | Mai Thanh Loan | | Vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 22 | Nguyễn Mai Chi | | Con gái | | | 0 | 0.00% | |
| 23 | Nguyễn Đình Bách | | Con trai | | | 0 | 0.00% | |
| 24 | Nguyễn Đình Sơn | | Anh trai | | | 0 | 0.00% | |
| 25 | Nguyễn Vũ Diệu Nga | | Chị dâu | | | 0 | 0.00% | |
| 26 | Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu NHTMCP CTVN | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |

| | | | | | | | | | |
|----|--|--|--|----------------------------------|--|--------|-----------|-------|--|
| 27 | Công đoàn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | | | Tổ chức có liên quan | | | 2,332,008 | 2.62% | |
| 28 | Lê Độ | | | Ủy viên HĐQT | | Hà Nội | 0 | 0.00% | |
| 29 | Trần Minh Tâm | | | Vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 30 | Công ty cổ phần Thành Công E&C | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |
| 31 | Nguyễn Toàn Thắng | | | Ủy viên HĐQT | | Hà Nội | 0 | 0.00% | |
| 32 | Nguyễn Quốc Bảo | | | Bố đẻ | | | 0 | 0.00% | |
| 33 | Nguyễn Thị Thủy | | | Mẹ đẻ | | | 0 | 0.00% | |
| 34 | Nguyễn Hồng Hạnh | | | Vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 35 | Nguyễn Văn Thông | | | Bố Vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 36 | Cao Thị Tâm | | | Mẹ Vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 37 | Nguyễn Quốc Hoàn | | | Anh trai | | | 0 | 0.00% | |
| 38 | Vũ Phương Đồng | | | Chị dâu | | | 0 | 0.00% | |
| 39 | Nguyễn Anh Tuấn | | | Anh | | | 0 | 0.00% | |
| 40 | Lê Hồng Anh | | | Chị Dâu | | | 0 | 0.00% | |
| 41 | Nguyễn Thành Công | | | Em trai | | | 0 | 0.00% | |
| 42 | Nguyễn Thuý Vân | | | Em dâu | | | 0 | 0.00% | |
| 43 | Nguyễn Ngọc Linh | | | Con | | | 0 | 0.00% | |
| 44 | Nguyễn Toàn Phú | | | Con | | | 0 | 0.00% | |
| 45 | Nguyễn Đăng Lâm | | | Con | | | 0 | 0.00% | |
| 46 | Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Thương mại | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |
| 47 | Công ty cổ phần Đầu tư Phú Thành Long | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |
| 48 | Công ty cổ phần Phúc Thịnh | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |
| 49 | Công ty cổ phần Đông Đô | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |
| 50 | Công ty cổ phần đầu tư và quản lý Thành Công Finance | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |
| 51 | Công ty cổ phần đầu tư phát triển toàn cầu Diamond | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% | |
| 52 | Đào Phong Trúc Đại | | | UV HĐQT, TGD, Người được UQ CBTT | | Hà Nội | 0 | 0.00% | |
| 53 | Bố đẻ mất | | | Bố đẻ | | | 0 | 0.00% | |
| 54 | Vũ Thị Chất | | | Mẹ đẻ | | | 0 | 0.00% | |
| 55 | Lê Văn Hiến | | | Bố vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 56 | Lê Thị Phương | | | Mẹ vợ | | | 0 | 0.00% | |
| 57 | Đào Thị Diễm Hương | | | Chị gái | | | 0 | 0.00% | |

| | | | | | | | | | |
|--|---|--|--|--|----------------------|--------|--|---|-------|
| 58 | Ông Nam Hải | | | | Anh rể | | | 0 | 0.00% |
| 59 | Lê Thị Hằng | | | | Vợ | | | 0 | 0.00% |
| 60 | Đào Lê Tùng Lâm | | | | Con trai | | | 0 | 0.00% |
| 61 | Đào Lê Bảo Ngọc | | | | Con gái | | | 0 | 0.00% |
| 62 | Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Ô tô Việt Nam (VAD) | | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% |
| 63 | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% |
| 64 | Nguyễn Anh Tú | | | | Ủy viên HĐQT | Hà Nội | | 0 | 0.00% |
| 65 | Nguyễn Anh Tuấn | | | | Bố đẻ | | | 0 | 0.00% |
| 66 | Lê Hồng Anh | | | | Mẹ đẻ | | | 0 | 0.00% |
| 67 | Nguyễn Thị Hồng Ngọc | | | | Chị gái | | | 0 | 0.00% |
| 68 | Công ty cổ phần liên doanh ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam | | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% |
| 69 | Công ty TNHH sản xuất mù cào su lớp Kumho Việt Nam | | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% |
| 70 | Công ty TNHH sản xuất gang tay y tế xanh | | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% |
| II- Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên Ban kiểm soát : | | | | | | | | | |
| 71 | Nguyễn Văn Tý | | | | Trưởng BKS | Hà Nội | | 0 | 0.00% |
| 72 | Nguyễn Văn Thanh | | | | Anh | | | 0 | 0.00% |
| 73 | Đào Thị Bảy | | | | Chị dâu | | | 0 | 0.00% |
| 74 | Nguyễn Văn Khanh | | | | Em | | | 0 | 0.00% |
| 75 | Phan Thị Hải Hà | | | | Em dâu | | | 0 | 0.00% |
| 76 | Nguyễn Văn Linh | | | | Em | | | 0 | 0.00% |
| 77 | Nguyễn Thị Hằng | | | | Em dâu | | | 0 | 0.00% |
| 78 | Nguyễn Thị Huệ Phương | | | | Con | | | 0 | 0.00% |
| 79 | Nguyễn Phương Anh | | | | Con | | | 0 | 0.00% |
| 80 | Công ty TNHH Mai Động - Mai Lâm | | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% |
| 81 | Công ty TNHH Mai Động - Thanh Trì | | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% |
| 82 | Công ty cổ phần Du lịch Thương mại Cổ Loa | | | | Tổ chức có liên quan | | | 0 | 0.00% |
| 83 | Bạch Quốc Vinh | | | | Ủy viên BKS | Hà Nội | | 0 | 0.00% |
| 84 | Bạch Quốc Bình | | | | Bố đẻ | | | 0 | 0.00% |
| 85 | Đỗ Thị Cẩm | | | | Mẹ đẻ | | | 0 | 0.00% |
| 86 | Bạch Thị Thanh Trúc | | | | Chị gái | | | 0 | 0.00% |

| | | | | | | | | |
|---|---------------------------------|--|----------------------|---------------------|-----------|--|---|-------|
| 87 | Trần Quang Hiệp | | Anh rể | | | | 0 | 0.00% |
| 88 | Dương Văn Long | | Bố vợ (Đã mất) | | | | 0 | 0.00% |
| 89 | Trần Thị Mỹ Hạnh | | Mẹ vợ | | | | 0 | 0.00% |
| 90 | Dương Quỳnh Hoa | | Vợ | | | | 0 | 0.00% |
| 91 | Bạch Dương Yến Linh | | Con | | | | 0 | 0.00% |
| 92 | Công ty cổ phần chứng khoán DSC | | Tổ chức có liên quan | | | | 0 | 0.00% |
| 93 | Tô Giang Nam | | Ủy viên BKS | | Hà Nội | | 0 | 0.00% |
| 94 | Tô Đình Ruyến | | Bố đẻ | | | | 0 | 0.00% |
| 95 | Đặng Thị Vinh | | Mẹ đẻ | | | | 0 | 0.00% |
| 96 | Trần Phương Thảo | | Vợ | | | | 0 | 0.00% |
| 97 | Tô Gia Minh | | Con trai | | | | 0 | 0.00% |
| 98 | Tô Phương My | | Con gái | | | | 0 | 0.00% |
| 99 | Tô Mai Phương | | Anh trai | | | | 0 | 0.00% |
| 100 | Lê Thị Yến | | Chị dâu | | | | 0 | 0.00% |
| 101 | Tô Lan Uyên | | Chị gái | | | | 0 | 0.00% |
| III- Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên Ban điều hành : | | | | | | | | |
| Đào Phong Trúc Đại | | | | UV HĐQT, TGD | | | | |
| Đã nêu ở mục I (HĐQT) | | | | | | | | |
| 102 | Trịnh Văn Việt | | Trưởng phòng TCKT | | Ninh Bình | | 0 | 0.00% |
| 103 | Nguyễn Thị Thanh | | Vợ | | | | 0 | 0.00% |
| 104 | Trình Anh Đức | | Con | | | | 0 | 0.00% |
| 105 | Trình Đức Minh | | Con | | | | 0 | 0.00% |
| 106 | Trình Việt Long | | Anh trai | | | | 0 | 0.00% |
| 107 | Nguyễn Thị Kim Oanh | | Chị dâu | | | | 0 | 0.00% |
| 108 | Trình Việt Thu | | Anh trai | | | | 0 | 0.00% |
| 109 | Vũ Thị Lợi | | Chị dâu | | | | 0 | 0.00% |
| 110 | Trình Văn Bảo | | Anh trai | | | | 0 | 0.00% |
| 111 | Trần Thị Bích Ngọc | | Chị dâu | | | | 0 | 0.00% |
| 112 | Trình Văn Tuấn | | Em trai | | | | 0 | 0.00% |
| 113 | Phạm Thị Hoa | | Em dâu | | | | 0 | 0.00% |
| 114 | Nguyễn Hữu Nghị | | Bố vợ | | | | 0 | 0.00% |
| 115 | Lương Thị Tĩnh | | Mẹ vợ | | | | 0 | 0.00% |